

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG MÔI TRƯỜNG NĂM 2018**

Ngày lập: 18/02/2019

Stt	Nội dung đầu vào xem xét	Đơn vị tính	Kết quả	Sự thay đổi/xu hướng kết quả so với năm trước (có thể trình bày dạng biểu đồ ...)	Trách nhiệm báo cáo	Hồ sơ viện dẫn
1	Lượng chất thải không nguy hại (rác sinh hoạt)	Tấn/năm	108.6	năm 2017 = 110.7 tấn/ năm. Giảm 2.1 tấn/năm	Các bộ phận	Báo cáo TH ve chai, rác thải tháng 12/2017 và 2018
2	Lượng chất thải nguy hại	Tấn/năm	4.06	năm 2017 = 4.9 tấn/ năm. Giảm 0.84 tấn/năm	HK	
3	Lượng chất thải được làm tăng giá trị (vật chất, năng lượng và tái chế)	Tấn/năm	66.2	năm 2017 = 64 tấn/ năm Giảm 2.2 tấn/năm	AC	
4	Tổng lượng chất thải	Tấn/năm	178.9	năm 2017 = 179.7 tấn/ năm. Giảm 0.8 tấn/năm	EN	
5	Lượng hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (như sơn, mực, keo dán, mỹ phẩm, dung môi, chất tẩy)	Tấn/năm	22.9	năm 2017 = 27.9 tấn/năm. Giảm 5 tấn/năm	HK F&B EN	Báo cáo TH hoá chất 12/2018
6	Khiếu nại của láng giềng về mùi hôi/ thúì	Số vụ/năm	0	năm 2017 = 0 vụ/năm. Không tăng, giảm	FO S&M	Thư góp ý
7	Khiếu nại của láng giềng về tiếng ồn	Số vụ/năm	0	Không tăng, giảm	HR FO S&M	Thư góp ý
8	Lượng nước sạch đã sử dụng	m <sup>3</sup> /năm	131,302	năm 2017 = 141,264 m <sup>3</sup> /năm. Giảm 9,962 m <sup>3</sup> /năm	EN	Báo cáo TH nước 12/2018
9	Lượng nước dùng cho SX và Cung ứng dịch vụ	m <sup>3</sup> /năm	68,970	năm 2017 = 69,928 m <sup>3</sup> /năm. Giảm 970 m <sup>3</sup> /năm	Các bộ phận	
10	Lượng nước tái sử dụng	m <sup>3</sup> /năm	681	năm 2017 = 581 m <sup>3</sup> /năm. Tăng 214 m <sup>3</sup> /năm	EN	
11	Lượng nước tính trên 1 Euro doanh thu.	Euros/doanh thu	0.0046	năm 2017 = 0.0051 Euros/doanh thu. Giảm 0.0005 Euros	EN	
12	Điện năng tiêu thụ	MWh/năm	8,982	năm 2017 = 8,857 MWh/năm. Tăng 125 MWh/năm	EN	Báo cáo TH điện 12/2018

13	Lượng gas tiêu thụ (1.15kg/m <sup>3</sup> )	m <sup>3</sup> /năm	138,895	năm 2017 = 144,230 m <sup>3</sup> /năm. Giảm 5,336 m <sup>3</sup> /năm	AC	Báo cáo TH năng lượng 12/2018
14	Lượng xăng và dầu (petroleum) tiêu thụ	m <sup>3</sup> /năm	29.2	năm 2017 = 34.4 m <sup>3</sup> /năm. Giảm 5.2 m <sup>3</sup> /năm	AC	
15	Thời lượng dành cho việc đào tạo về nhận thức / bảo vệ môi trường .	Số giờ / năm	85	năm 2017= 27 giờ/năm. Tăng 58 giờ	HR	Kế hoạch đào tạo
16	Thời lượng để thực hiện việc đánh giá nội bộ về môi trường	Số giờ / năm	18	năm 2017 = 18 giờ/năm. Không tăng, giảm	EN	Báo cáo đánh giá nội bộ
17	Khách sạn chịu ảnh hưởng của bao nhiêu văn bản pháp luật ?	Số văn bản	17	năm 2017 = 14 văn bản. Tăng 03 văn bản	HR	Danh mục các yêu cầu pháp luật
18	Khách sạn nhận được bao nhiêu khiếu nại về môi trường?	Số vụ/ năm	0	năm 2017 = 0 vụ. Không tăng, giảm	FO S&M	Thư góp ý
19	Ngân sách mà khách sạn dùng cho chương trình quản lý môi trường (không tính tiền lương, phí chứng nhận)?	Euros / năm	16,865	năm 2017 = 25,965 Euros/năm. Giảm 9,100 Euros	AC EN PI	Hợp đồng và hoá đơn thanh toán

Soạn thảo  
Đại diện Lãnh đạo Môi trường  
Vũ Ngọc Lộc <Đã ký>

Xem xét  
Phó Giám đốc khách sạn  
Trần Văn Tâm <Đã ký>

Phê duyệt  
Giám đốc khách sạn  
Phan Thanh Long <Đã ký>